

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN BA ĐÌNH
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **581/2022/QĐST-HNGĐ**

Ba Đình, ngày 05 tháng 8 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH, THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 573/2022/TLST-VHNGĐ ngày 27 tháng 7 năm 2022 về yêu cầu “Công nhận thuận tình ly hôn” gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

Chị **Vũ Thị N**, sinh năm 1983; Căn cước công dân số: 035183006005 cấp ngày 11/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; và anh **Nguyễn Anh D**, sinh năm 1978; Căn cước công dân số: 001078027210 cấp ngày 10/4/2021 tại Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội; Cùng đăng ký hộ khẩu: số 17 phố P, phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 28 tháng 7 năm 2022 tại Tòa án nhân dân quận B, thành phố Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện.

[2] Quan hệ hôn nhân của chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Anh D là hợp pháp, có Giấy chứng nhận kết hôn số 76, quyền số 01/2009, ngày 04 tháng 8 năm 2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, quận B, thành phố Hà Nội.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải đoàn tụ không thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị **Vũ Thị N** và anh **Nguyễn Anh D** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Hai bên xác nhận có 01 con chung là cháu **Nguyễn Hoàng Q**, sinh ngày 01 tháng 7 năm 2013. Giao chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu Q. Anh Nguyễn Anh D thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung là 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng kể từ tháng 8 năm 2022 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Anh Nguyễn Anh D có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Hai bên tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Về các khoản vay nợ: Hai bên xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và không cho ai vay nợ, không yêu cầu tòa án xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí: Chị Vũ Thị N tự nguyện chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào khoản tiền tạm ứng lệ phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu số 0002165 ngày 27 tháng 7 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân quận B;
- Chi cục THA dân sự quận B;
- UBND phường T, quận B, thành phố Hà Nội;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long